

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 06/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn
2. Ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ: số A đường T, quận H, thành phố H; người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai H – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đ.

Người được ông Mai H ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T (*Có mặt*) – Chuyên viên khách hàng Ngân hàng B chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ.

Địa chỉ: đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành S (*Vắng mặt*); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Theo hợp đồng tín dụng số HDTD80B2020357, ngày 12/10/2020 thì ông Nguyễn

Thành S được Ngân hàng thương mại cổ phần B (Ngân hàng) đồng ý phê duyệt và giải ngân cho vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng.

Để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng, ông S có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO978875 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2014 đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 39, diện tích 10.521m², đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 217/2020/HĐTC/PGDD ngày 12/10/2020 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/10/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông S đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 15.000.000 đồng, sau đó ông S liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ của ông S qua nợ quá hạn và thu hồi nợ trước thời hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã yêu cầu ông Nguyễn Thành S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 316.127.813 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm mười ba đồng*), trong đó nợ gốc là 235.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 69.142.149 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.316.181 đồng, lãi chậm trả lãi là 5.669.483 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Thành S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO978875 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2014 đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 39, diện tích 10.521m², đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 217/2020/HĐTC/PGDD Đ ngày 12/10/2020 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/10/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

- Theo lời khai của bị đơn ông Nguyễn Thành S trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với ông Nguyễn Thành S trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông S vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Đ để làm việc; do đó ông Nguyễn Thành S không có lời trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thành S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B với tổng số tiền 316.127.813 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm mười ba đồng*), trong đó nợ gốc là 235.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 69.142.149 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.316.181 đồng, lãi chậm trả lãi là 5.669.483 đồng.

- Trường hợp ông Nguyễn Thành S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ xử lý tài sản thế chấp đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO978875 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2014 đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 39, diện tích 10.521m², đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 217/2020/HĐTC/PGDD ngày 12/10/2020 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/10/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền chưa thanh toán các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thành S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (nơi ở hiện tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ), do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Thành S, sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng ông S vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của ông S đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.1. Về nợ gốc:

Theo hợp đồng tín dụng số HDTD80B2020357, ngày 12/10/2020 thì ông Nguyễn Thành S được Ngân hàng thương mại cổ phần B (Ngân hàng) đồng ý phê duyệt và giải ngân cho vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Thành S không thực hiện đúng thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó số nợ của ông S đã bị chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 14/10/2021. Đến ngày 04/3/2022 và 04/5/2022 mới thanh toán được cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền gốc là 15.000.000 đồng, từ đó đến nay ông S không trả nợ.

Đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần B đã yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc đã vay, tuy nhiên ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó Ngân hàng TMCP B làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc với số tiền 235.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

2.2. Về lãi suất tiền vay:

Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung cấp dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2 Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi: Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết thì ngoài số tiền gốc thì ông S còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP B. Tuy nhiên ông S không thực hiện theo thỏa thuận là đã vi phạm về nghĩa vụ trả lãi của bên vay, do đó Ngân hàng yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trong hạn là 69.142.149 đồng, lãi quá hạn là 6.316.181 đồng, lãi chậm trả lãi với số tiền là 5.669.483 đồng là phù hợp với quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP B thì ông Nguyễn Thành S có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO978875 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2014 đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 39, diện tích 10.521m², đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 217/2020/HĐTC/PGĐĐ ngày 12/10/2020 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/10/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ) theo đúng quy định tại các Điều 295; Điều 298; Điều 319; Điều 321; Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó trường hợp ông Nguyễn Thành S không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP B có

quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ kê biên, xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ ($316.127.813 \text{ đồng} \times 5\% = 15.806.000 \text{ đồng}$).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B (nguyên đơn) đối với ông Nguyễn Thành S (bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Nguyễn Thành S (bị đơn) phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B (nguyên đơn) tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 316.127.813 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm mười ba đồng*), trong đó: nợ gốc là 235.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 69.142.149 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.316.181 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 5.669.483 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Thành S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 190,

tờ bản đồ số 39, diện tích 10.521m², đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được cấp giấy chứng nhận số BO978875 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/01/2014 cho ông Nguyễn Thành S để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Thành S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành S phải nộp số tiền 15.806.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006856, ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng